

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày 02/02/2023
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Quyết Thắng và ông Lý A Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2022/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc Ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13/01/2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T; năm sinh: 1972; địa chỉ: Khố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên; vắng mặt có lý do.

Bị đơn: Anh Trịnh Huỳnh Đ; sinh năm 1969; địa chỉ: Khố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 10 năm 2022, Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai và đơn xin vắng mặt của nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Trịnh Huỳnh Đ kết hôn với nhau năm 1995, nhưng do anh Đ không tu chí làm ăn dẫn đến mâu thuẫn nên đến năm 2007 đã ly hôn. Sau khi ly hôn vì thương con nên cả hai anh chị quay về đoàn tụ và đi đăng ký kết hôn vào ngày 13/3/2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên. Cuộc sống sau khi kết hôn lần hai thời gian đầu diễn ra bình thường, nhưng sau đó thì giữa vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm chia sẻ với nhau dẫn đến ngày càng xa cách. Đến năm 2015 đã không còn sống chung với nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Đến nay chị T không còn tình cảm và không thể kéo dài quan hệ hôn nhân với anh Đ; vì vậy chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Trịnh Huỳnh Đ có 01 con chung tên Trịnh Quốc D; sinh ngày 12/4/1997. Do cháu D đã đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không có.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trịnh Huỳnh Đ. Quá trình tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải chị T có mặt, anh Đ vắng mặt không có lý do, nên Tòa án đã thông báo kết quả việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ cho anh Đ theo quy định của pháp luật. Anh Đ không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh của Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị T, cho chị Lê Thị T ly hôn với anh Trịnh Huỳnh Đ; về con chung, quan hệ tài sản không yêu cầu nên không đề nghị xem xét. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị buộc chị Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện: Xét đơn khởi kiện của chị Lê Thị T với anh Trịnh Huỳnh Đ thì được xác định là vụ án ly hôn theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Thẩm quyền giải quyết: Thời điểm chị T nộp đơn khởi kiện, anh Đ có nơi ĐKKTT tại khối T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên; nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho chị Lê Thị T và anh Trịnh Huỳnh Đ đúng theo quy định Điều 174; Điều 175; Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 13/01/2023, anh Đ vắng mặt Tòa án đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa 02/02/2023, anh Đ vắng mặt không có lý do, chị T có đơn xin vắng mặt. Việc đưa ra xét xử vắng mặt của các đương sự vẫn đảm bảo quyền lợi của đương sự và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T với anh Trịnh Huỳnh Đ kết hôn với nhau năm 1995, nhưng do anh Đ không tu chí làm ăn dẫn đến mâu thuẫn nên đến năm 2007 đã ly hôn. Sau khi ly hôn vì thương con nên cả hai anh chị quay về đoàn tụ và tự nguyện đi đăng ký kết hôn vào ngày 13/3/2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn

T, huyện T, tỉnh Điện Biên; thực hiện theo đúng trình tự đăng ký kết hôn, nên có thể xác định hôn nhân của chị T và anh Đ là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật Hôn nhân & gia đình.

Xét về yêu cầu giải quyết ly hôn thì thấy: Chị T có đơn xin ly hôn với anh Đ do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh Đ không tu chí làm ăn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, trong thời gian sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc nhau. Tại biên bản xác minh ngày 18/11/2022 chính quyền địa phương nơi chị T và anh Đ sinh sống xác nhận, thời gian đầu sau khi đăng ký kết hôn lại thì cuộc sống diễn ra bình thường nhưng sau đó do anh Đ không tu chí làm ăn nên đã dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Thời gian gần đây anh Đ đi về thất thường, lúc đi cũng không báo cho chính quyền địa phương. Vì vậy HĐXX thấy rằng hôn nhân của chị T và anh Đ có mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ. Do đó căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình; chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị T, cho chị Lê Thị T ly hôn với anh Trịnh Huỳnh Đ.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Trịnh Huỳnh Đ có 01 con chung tên Trịnh Quốc D; sinh ngày 12/4/1997. Do cháu D đã đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không có.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Hội đồng xét xử xét thấy chị Lê Thị T thuộc trường hợp phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận. *Vì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.
- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Trịnh Huỳnh Đ.
2. Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Trịnh Huỳnh Đ có 01 con chung tên Trịnh Quốc D; sinh ngày 12/4/1997. Do cháu D đã đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không có.
4. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*)

theo biên lai thu số: 0007574 ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuần Giáo, chị Lê Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị T và anh Trịnh Huỳnh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- UBND thị trấn T;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN CỦA HĐXX

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

